TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ẩn**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Đinh Văn N**, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn N thành hôn vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 01/8/2011. Thời gian chung sống được gần 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, chồng chị ngoại tình với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2017 đến nay không hàn gắn lại được. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đinh Văn N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Minh T, sinh ngày 07/02/2012 hiện đang sống chung với anh N. Chị đồng ý giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2024, bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Đinh Văn N. Giữa chị N và anh N thành hôn năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi thành hôn vợ chồng anh N và chị N sống tại ấp V, xã V1, huyện T, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh N quen người phụ nữ khác nên chị N về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Hiện chị N và anh N không còn sống chung. Về con chung của chị N và anh N có 01 con chung tên Đinh Minh T, sinh ngày 07/02/2012 hiện đang sống chung với anh N.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Toà án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Đinh Văn N. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Minh T, sinh ngày 07/02/2012 cho anh N nuôi dưỡng, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn, khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011299 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị N đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Đinh Văn N cư trú ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt ngày 26/4/2024, bị đơn anh Đinh Văn N được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Đinh Văn N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126 vào ngày 01/8/2011 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh N thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, anh N có quan hệ với người phụ nữ khác và vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay không hàn gắn được. Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị D là mẹ ruột của anh N xác định giữa anh N và chị N thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh N quen người phụ nữ khác, anh N và chị N không còn sống chung. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không lý do, chị N có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị N và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Đinh Minh T, sinh ngày 07/02/2012 hiện đang sống trực tiếp với anh N và cháu Tâm có nguyện vọng muốn sống chung với anh N. Chị N đồng ý giao con cho anh N được tiếp tục nuôi con, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Anh N không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N. Xử cho chị N ly hôn với anh Đinh Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Minh T, sinh ngày 07/02/2012 cho anh Đinh Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị N đã nộp theo biên lai thu số 0011299 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 01/8/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An